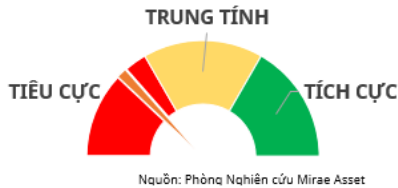


29 Tháng 12, 2022

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,009.29	-0.6	-2.2	-32.1
HNX	206.54	0.2	-0.8	-54.9
UPCOM	70.89	0.6	0.7	-36.0
MSCI EM	960.18	0.1	0.8	-21.2
NIKKEI	26,093.67	-0.9	-6.9	-9.7
HANG SENG	19,741.14	-0.8	8.4	-14.5
KOSPI	2,236.40	-1.9	-8.1	-25.3
FTSE	7,474.66	-0.3	-0.5	0.7
S&P 500	3,783.22	-1.2	-4.4	-21.1
NASDAQ	10,213.29	-1.4	-7.0	-35.2

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	10.5	1.6	15.4
Indonesia	13.1	2.0	12.8
Philippines	15.3	1.6	11.0
Malaysia	15.7	1.4	9.1
Thái Lan	14.4	1.6	10.4

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	6.0	0	0	200
TPCP 5 năm	4.7	-3	-8	386
TPCP 10 năm	4.8	-3	-10	268

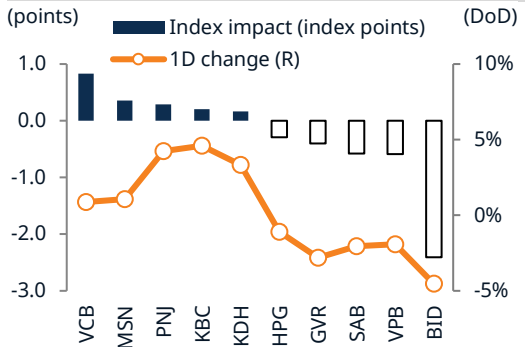
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,658	0.1	-4.5	3.6
US\$/KRW	1,265.5	-0.1	-4.6	6.9
US\$/JPY	133.6	-0.7	-3.6	16.2
US\$/EUR	0.94	-0.4	-3.0	6.5
US\$/GBP	0.83	-0.3	-0.8	11.9
US\$/SGD	1.35	-0.2	-1.9	-0.3

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	270	534	478
HNX	25	56	51
UPCOM	8	18	23

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

“Tàu lượn” VN-Index

Xuyên suốt thời gian giao dịch của VN-Index, Cung và Cầu giằng co mạnh và liên tục đổi vị thế cho nhau. Thế nhưng, biến động mạnh nhất phải tính ở phiên chiều khi VN-Index bất ngờ tăng “dừng đứng” với lực mua mạnh, rồi đột ngột “lao dốc” giảm điểm số. Kết phiên, VN-Index mất hơn 6 điểm tương ứng với 0,6%, dừng chân tại 1,009 điểm. Thanh khoản khớp lệnh tiếp tục được duy trì ở mức thấp với 371 triệu đơn vị được ghi nhận hôm nay, và tương ứng giá trị hơn 5,850 tỷ đồng.

Đóng cửa, toàn sàn có số mã giảm áp đảo 237 mã giảm so với 147 mã tăng. Trong nhóm VN30, số mã giảm gấp hơn 3 lần số mã tăng với 21 mã. Đứng đầu ở chiều giảm trong VN30 là BID với hơn 4,5% và vị trí thứ 2 là SSI với 3%. Ngược lại, KDH và NVL lại là những mã ghi nhận tăng tích cực với 3,3% và 2,1%. Ngoài ra, nhóm chứng khoán cũng chịu áp lực chốt lời mạnh với nhiều mã giảm mạnh như CTS, APS, APG và VND.

Đây là phiên mua ròng thứ 5 liên tiếp của khối ngoại sau khi chuyển bị thế bán ròng ở tuần rồi, đạt hơn 147 tỷ trên cả 2 sàn HNX và HSX. Đứng đầu mã được mua ròng mạnh là VND và HPG với giá trị lần lượt đạt 61,3 tỷ và 45,1 tỷ. Chiều ngược lại, NVL bị bán ròng mạnh với hơn 193 tỷ, và gấp đôi mã thứ 2 là VPB (-90 tỷ) về giá trị bán ròng.

Đóng cửa với sắc đỏ khiến cho trạng thái đánh giá ngắn hạn của VN-Index vẫn duy trì ở mức TIÊU CỰC với điểm số đánh giá -4 điểm. Hệ số P/E hiện tại của VN-Index đạt 10,5x

Trương Hoàng Tiến Hưng Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-3	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-2	TRUNG TÍNH
Kospi	-7	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-5	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-6	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

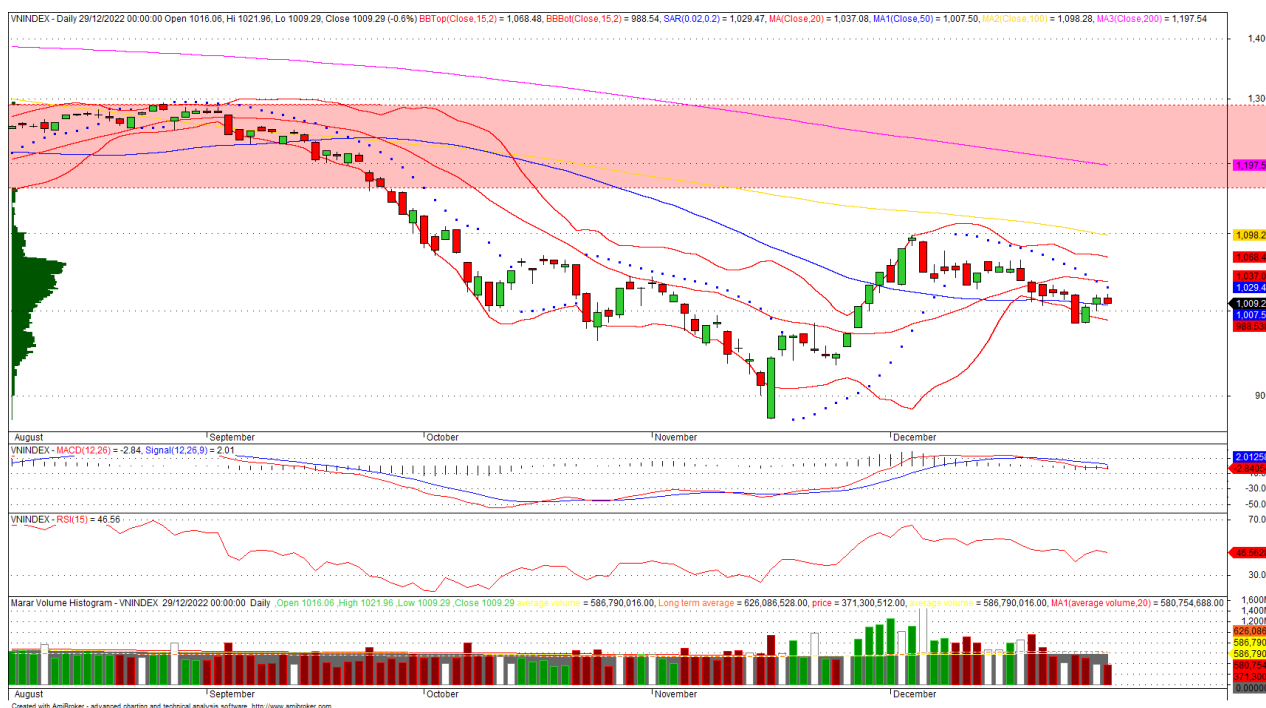
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-3	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (29/12/2022)	1.009	1.000
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Đi ngang	1.060
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Tăng	980
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	950

VN-Index giảm về mức hỗ trợ mạnh kèm theo đó là thanh khoản có phần suy giảm tiếp tục.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

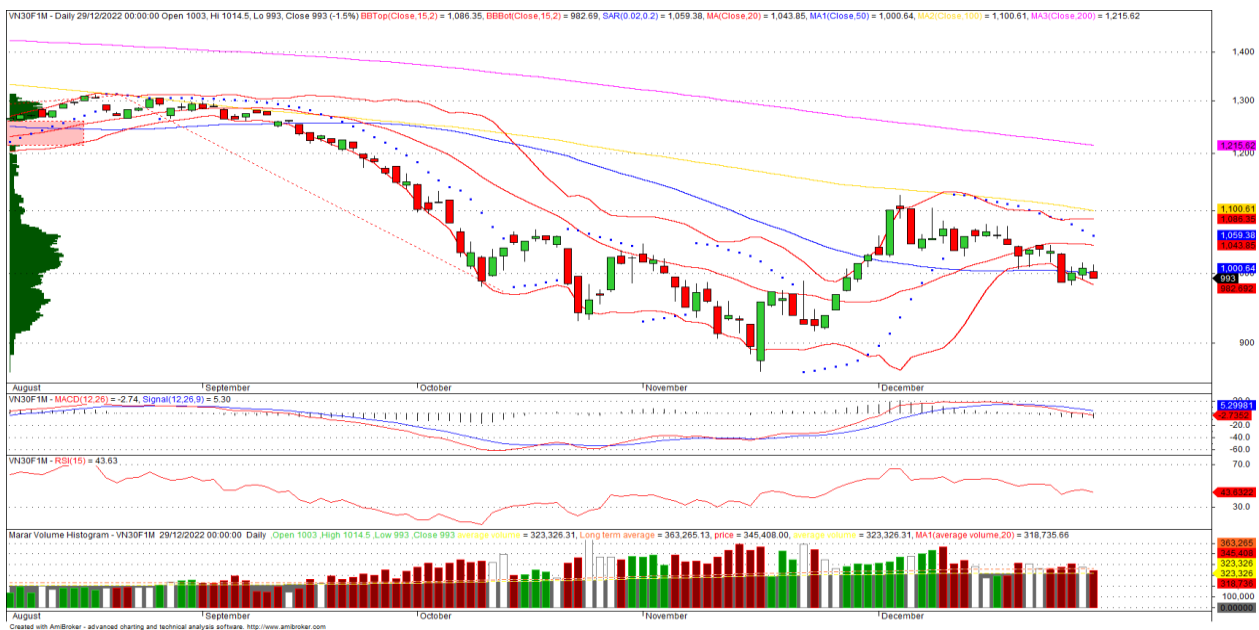
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (29/12/2022)	993	Kháng cự 1	1.000
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.100
VN30 - đóng cửa	1.008	Hỗ trợ 1	980
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-15.3	Hỗ trợ 2	950

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-3	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC

VN30F1M đóng cửa dưới ngưỡng hỗ trợ mạnh tại 1,000 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.vn

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
OCB	Ngân hàng	17,800	1,116,900	100	7	
KDC	Thực phẩm	65,000	927,200	74	4	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
PVT	21.8	2,148,615	5	KHẢ QUAN	7,056	8.6	1.2	47
KDC	65	942,280	4	KHẢ QUAN	16,720	34.1	2.5	61
SAB	172.9	210,990	4	KHẢ QUAN	110,878	20.5	4.5	36
VCB	80.7	1,463,110	3	TRUNG TÍNH	381,914	14.5	3.0	118
NVL	14.65	32,015,260	2	TRUNG TÍNH	28,569	10.0	0.8	469
PVD	17.9	6,491,990	2	TRUNG TÍNH	9,950	#N/A N/A	0.7	116
VRE	26.5	2,833,005	2	TRUNG TÍNH	60,216	29.2	1.8	75
BID	40	1,677,155	2	TRUNG TÍNH	202,341	12.5	2.1	67
KBC	23.9	5,807,040	1	TRUNG TÍNH	18,346	8.1	1.1	139
VPB	17.8	27,616,636	0	TRUNG TÍNH	119,495	5.9	1.3	492
PDR	13.4	17,097,600	0	TRUNG TÍNH	9,000	4.1	1.1	229
LPB	13.1	14,492,035	0	TRUNG TÍNH	22,651	4.4	1.0	190
VNM	77	2,218,550	0	TRUNG TÍNH	160,927	20.4	5.2	171
HPX	4.8	21,300,380	0	TRUNG TÍNH	1,460	6.7	0.4	102
SBT	14.5	4,821,410	0	TRUNG TÍNH	9,761	12.0	1.1	70
KDH	27.95	2,276,815	0	TRUNG TÍNH	20,035	15.7	1.8	64
L14	52.8	802,510	0	TRUNG TÍNH	1,629	12.6	4.4	42
HAG	8.9	19,119,196	-2	TRUNG TÍNH	8,254	7.8	1.7	170
VIC	53.6	2,988,140	-2	TRUNG TÍNH	204,427	184.9	1.8	160
CTG	27	4,286,715	-2	TRUNG TÍNH	129,755	8.3	1.2	116
EIB	27	3,539,395	-2	TRUNG TÍNH	33,195	12.1	1.6	96
MSN	94	950,875	-2	TRUNG TÍNH	133,830	13.9	5.2	89
HAH	32.5	2,740,425	-2	TRUNG TÍNH	2,286	3.0	1.0	89
LCG	7.3	5,440,350	-2	TRUNG TÍNH	1,384	7.4	0.6	40
FTS	18.8	1,981,675	-2	TRUNG TÍNH	3,667	8.8	1.1	37
TCM	50.5	645,890	-2	TRUNG TÍNH	4,138	19.9	2.2	33
KSB	17.5	1,856,015	-2	TRUNG TÍNH	1,335	7.1	0.7	32
FLC	3.57	8,630,840	-2	TRUNG TÍNH	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A	31
APG	6.49	4,227,720	-2	TRUNG TÍNH	950	4.4	0.6	27
HHV	8.95	2,856,590	-2	TRUNG TÍNH	2,755	8.7	0.4	26

GIL	18.2	1,601,160	-3	TRUNG TÍNH	1,256	2.0	0.5	29
HPG	18	33,837,056	-4	TIÊU CỰC	104,666	6.8	1.1	609
STB	22.35	24,371,216	-4	TIÊU CỰC	42,135	10.2	1.1	545
VND	13.5	35,172,384	-4	TIÊU CỰC	16,441	7.4	1.1	475
SSI	17.6	23,151,056	-4	TIÊU CỰC	26,209	7.8	1.2	407
DIG	14.8	19,499,460	-4	TIÊU CỰC	9,026	8.8	1.2	289
SHB	9.9	23,955,604	-4	TIÊU CỰC	30,362	3.7	0.7	237
CEO	18.6	12,186,490	-4	TIÊU CỰC	4,787	15.4	1.6	227
SHS	8.5	25,729,856	-4	TIÊU CỰC	6,912	9.3	0.7	219
MBB	17.4	11,886,590	-4	TIÊU CỰC	78,891	4.5	1.1	207
HSG	11.55	16,877,304	-4	TIÊU CỰC	6,908	26.3	0.6	195
DXG	12.4	15,314,195	-4	TIÊU CỰC	7,564	8.9	0.8	190
VCI	23.35	8,061,985	-4	TIÊU CỰC	10,169	7.7	1.5	188
TCB	25.95	7,078,735	-4	TIÊU CỰC	91,272	4.3	0.8	184
TPB	21.4	8,386,025	-4	TIÊU CỰC	33,850	5.6	1.1	179
DGC	57.9	3,066,955	-4	TIÊU CỰC	21,989	3.9	2.1	178
NKG	12.25	13,188,635	-4	TIÊU CỰC	3,225	4.3	0.6	162
VCG	16.65	9,522,645	-4	TIÊU CỰC	8,090	6.0	1.2	159
VHM	47.8	3,132,920	-4	TIÊU CỰC	208,139	6.6	1.5	150
PVS	21.6	6,780,360	-4	TIÊU CỰC	10,324	20.7	0.8	146
HCM	20.4	7,117,045	-4	TIÊU CỰC	9,327	9.8	1.2	145
MWG	42.9	2,743,775	-4	TIÊU CỰC	62,779	12.2	2.7	118
IDC	31.7	3,661,125	-4	TIÊU CỰC	10,461	5.2	2.0	116
VIX	6.68	16,883,736	-4	TIÊU CỰC	3,889	5.0	0.5	113
VIB	18.9	4,882,660	-4	TIÊU CỰC	39,835	4.7	1.3	92
POW	10.5	7,848,980	-4	TIÊU CỰC	24,590	21.1	0.8	82
DCM	25.95	3,026,580	-4	TIÊU CỰC	13,738	3.4	1.4	79
DPM	43	1,692,925	-4	TIÊU CỰC	16,827	2.8	1.3	73
CII	13	5,192,145	-4	TIÊU CỰC	3,279	8.9	0.6	67
ACB	22	3,028,135	-4	TIÊU CỰC	74,304	5.6	1.3	67
DBC	14.4	4,503,030	-4	TIÊU CỰC	3,485	10.2	0.7	65
HDG	30.65	2,098,725	-4	TIÊU CỰC	7,497	5.3	1.4	64
NLG	29.9	2,006,450	-4	TIÊU CỰC	11,484	29.4	1.3	60
FRT	68.5	849,210	-4	TIÊU CỰC	8,115	12.9	4.2	58
IDI	11	5,172,120	-4	TIÊU CỰC	2,504	4.1	0.8	57
VJC	109.2	425,295	-4	TIÊU CỰC	59,144	956.4	3.4	46
TCH	6.86	6,681,600	-4	TIÊU CỰC	4,584	23.5	0.5	46
VHC	68.8	652,980	-4	TIÊU CỰC	12,616	5.6	1.6	45
HUT	14.2	2,849,510	-4	TIÊU CỰC	4,951	14.0	1.3	40
DGW	38	1,045,745	-4	TIÊU CỰC	6,197	7.2	2.8	40
HBC	9.23	4,142,770	-4	TIÊU CỰC	2,530	25.9	0.7	38
SZC	26.4	1,382,755	-4	TIÊU CỰC	2,640	14.2	1.8	37
PAN	15.05	2,416,750	-4	TIÊU CỰC	3,144	7.7	0.7	36
BCG	6.46	5,623,755	-4	TIÊU CỰC	3,446	4.8	0.5	36
IJC	12.1	2,975,575	-4	TIÊU CỰC	2,627	5.0	0.7	36
MBS	12.3	2,865,530	-4	TIÊU CỰC	4,760	7.1	1.1	35
GAS	102.6	336,115	-4	TIÊU CỰC	196,371	14.7	3.5	34
BVH	46.5	731,930	-4	TIÊU CỰC	34,518	19.7	1.5	34

HDC	29.55	1,141,620	-4	TIÊU CỰC	3,194	9.6	1.9	34
VGC	34.05	988,640	-4	TIÊU CỰC	15,266	7.7	2.0	34
HVN	13.85	2,373,815	-4	TIÊU CỰC	30,669	#N/A N/A	#N/A N/A	33
ASM	7.81	4,144,410	-4	TIÊU CỰC	2,628	3.6	0.5	32
ANV	22.55	1,404,300	-4	TIÊU CỰC	2,867	4.6	1.0	32
REE	71.8	428,070	-4	TIÊU CỰC	25,518	9.2	1.7	31
GVR	13.8	2,199,800	-4	TIÊU CỰC	55,200	13.0	1.1	30
SCR	5.6	5,123,395	-4	TIÊU CỰC	2,216	15.3	0.4	29
TNG	13.4	2,019,310	-4	TIÊU CỰC	1,409	4.6	0.9	27
FCN	9.2	2,918,260	-4	TIÊU CỰC	1,448	112.9	0.6	27
HNG	4.17	6,133,550	-4	TIÊU CỰC	4,623	#N/A N/A	2.1	26
IDJ	7.9	3,226,195	-4	TIÊU CỰC	1,371	6.4	0.7	25
HQC	2.69	9,434,045	-4	TIÊU CỰC	1,282	75.3	0.3	25
PHR	39.8	632,020	-4	TIÊU CỰC	5,393	8.4	1.6	25
CTS	12.7	1,952,810	-4	TIÊU CỰC	1,889	6.9	0.8	25
GEX	12.7	17,254,704	-5	TIÊU CỰC	10,814	21.7	0.9	219
VPI	55.1	573,520	-5	TIÊU CỰC	13,334	21.8	4.0	32
BSR	13.3	8,592,335	-6	TIÊU CỰC	41,237	6.3	1.1	114
VPG	13.65	3,655,075	-6	TIÊU CỰC	1,095	4.5	0.7	50
FPT	76.2	1,070,470	-7	TIÊU CỰC	83,593	15.9	4.2	82
HDB	15.9	3,215,810	-7	TIÊU CỰC	39,993	5.3	1.1	51
PC1	19.8	2,427,840	-7	TIÊU CỰC	5,355	13.1	1.1	48

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Xuất nhập khẩu cả năm 2022 chính thức cán đích 732,5 tỷ USD

Thông tin Tổng cục Thống kê công bố sáng 29/12 cho thấy, trong tháng 12, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa ước đạt 58,82 tỷ USD, tăng 2,7% so với tháng trước và giảm 11,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2022, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 732,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với năm trước. Đây là con số kỷ lục trong nhiều năm trở lại đây. Trong đó xuất khẩu tăng 10,6%; nhập khẩu tăng 8,4%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2022 ước tính xuất siêu 11,2 tỷ USD đồng thời là năm thứ 7 liên tiếp xuất siêu. Ở chiều xuất khẩu, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 371,85 tỷ USD, tăng 10,6% so với năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 95,09 tỷ USD, tăng 6,5%, chiếm 25,6% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 276,76 tỷ USD, tăng 12,1%, chiếm 74,4%. Trong năm 2022 có 36 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 94% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 08 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 70,1%). Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu năm 2022, nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản chiếm 1,4%, tăng 0,3 điểm phần trăm so với năm trước; nhóm hàng công nghiệp chế biến chiếm 89%, giảm 0,1 điểm phần trăm; nhóm hàng nông sản, lâm sản chiếm 6,7%, giảm 0,5 điểm phần trăm; nhóm hàng thủy sản chiếm 2,9%, tăng 0,3 điểm phần trăm.

Kinh tế phục hồi, tăng trưởng GDP năm 2022 ước đạt 8,02%

Số liệu vừa được Tổng cục Thống kê chính thức công bố, tăng trưởng GDP của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2022 ước đạt 8,02% so với năm trước. Đây là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Theo Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng GDP các năm 2011-2022 lần lượt là: 6,41%; 5,50%; 5,55%; 6,42%; 6,99%; 6,69%; 6,94%; 7,47%; 7,36%; 2,87%; 2,56%; 8,02%. Như vậy, bất chấp khó khăn của kinh tế toàn cầu, với nhiều quyết sách, chỉ đạo điều hành quyết liệt, hiệu quả, nền kinh tế Việt Nam đã có được sự phục hồi mạnh mẽ, sau những tác động nghiêm trọng của đại dịch Covid-19. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, theo Tổng cục Thống kê, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%. "Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục thể hiện vai trò bệ đỡ của nền kinh tế", bà Nguyễn Thị Hương, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã nói như vậy. Cụ thể, trong khu vực này, ngành nông nghiệp tăng 2,88%, đóng góp 0,27 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 6,13%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 4,43%, đóng góp 0,12 điểm phần trăm. Trong khi đó, trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 8,10%, đóng góp 2,09 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành xây dựng tăng 8,17%, đóng góp 0,59 điểm phần trăm.

KBC: thông qua phương án mua 100 triệu cổ phiếu quỹ

Ngày 28/12, Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (mã CK: KBC) đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 lần 2. Trong đó, một loạt nội dung quan trọng đã được ĐHDCĐ thông qua, nổi bật nhất là phương án mua lại cổ phiếu quỹ để giảm vốn điều lệ. Tổng lượng cổ phiếu sẽ mua lại là 100 triệu đơn vị tương ứng với 13% lượng cổ phiếu đang lưu hành. Phương thức giao dịch là khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch nhưng không cao hơn 34.000 đồng/cp, tương ứng với số tiền chi tối đa là 3.400 tỷ đồng. Nguồn vốn thực hiện mua lại từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu tại thời điểm thực hiện. CTCP Chứng khoán Navibank sẽ là đại lý thực hiện giao dịch mua cổ phiếu. Trong bối cảnh thị trường chứng khoán giảm sâu từ đầu năm, nhiều cổ phiếu mất tới 50-60% giá trị thậm chí 70-80% so với giai đoạn đầu năm, không ít doanh nghiệp có kế hoạch mua vào cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ và KBC cũng không ngoại lệ. Trước thông tin trên, cổ phiếu KBC đã bật tăng kịch trần cùng trạng thái "trắng bên bán". Chốt phiên 28/12, KBC trở thành 1 trong 11 sắc tím hiếm hoi trên sàn HoSE, tăng 7% lên mức giá 22.850 đồng/cp. Đây là phiên tăng kịch trần thứ 2 liên tiếp của KBC, tương ứng hồi phục 72% kể từ đáy hồi giữa tháng 11. Tuy nhiên, mức giá này vẫn thấp hơn xấp xỉ 50% so với thời điểm hồi đầu năm. Vốn hóa thị trường theo đó giảm gần nửa, còn lại 16.400 tỷ đồng.

HTM: bị xử phạt và truy thu thuế hơn 3,4 tỷ đồng với hàng loạt vi phạm

Theo thông báo mới nhất từ Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – CTCP (Hapro, mã chứng khoán: HTM), ngày 27/12, Cục Thuế Thành phố Hà Nội đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hoá đơn đối với Hapro. Cụ thể, Hapro đã có hàng loạt những vi phạm quy định hành chính về thuế gồm: chưa kê khai phụ lục mẫu 01 giao dịch liên kết; Còn kê khai thuế GTGT đầu vào của hoạt động dự án đầu tư để khấu trừ thuế GTGT của hoạt động SXKD; Chưa thực hiện kê khai thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư; Kê khai chưa đúng thời điểm doanh thu tính thuế GTGT đối với hoạt động cho thuê tại số 5 Lê Duẩn; kê khai sai chi tiêu 22 - Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang trên tờ khai tháng 1/2021; Còn phân bổ thuế GTGT không được khấu trừ tương ứng với doanh thu hàng hóa dịch vụ bán ra không chịu thuế; Kê khai chưa đúng thời điểm doanh thu tính thuế TNDN đối với hoạt động cho thuê tại số 05 Lê Duẩn; Còn hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp các khoản chi không có hóa đơn; Còn kê khai chưa đúng thời điểm đối với khoản thu nhập bán rượu của trung tâm miễn thuế (đã kê khai vào doanh thu GTGT hàng không chịu thuế); Lập hóa đơn bán hàng không đúng thời điểm đối với doanh thu bán HHDV tháng 11/2019 đối với hoạt động cho thuê tại số 5 Lê Duẩn. Do đó, tổng số tiền truy thu, phạt và tiền chậm nộp đối với Hapro là hơn 3,4 tỷ đồng. Đồng thời, công ty còn phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả gồm giảm lỗ hoạt động SXKD năm 2021 là gần 417 triệu đồng, giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ chuyển kỳ sau – kỳ tháng 12/2021 là 468 triệu đồng, tăng thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư chưa được hoàn chuyển kỳ sau là 1,7 tỷ đồng. Được biết, Hapro là tổng công ty đầu tiên của Thành phố Hà Nội thực hiện cổ phần hóa vào năm 2018. Hoạt động chính của doanh nghiệp này là kinh doanh thương mại dịch vụ, xuất nhập khẩu, phát triển hạ tầng thương mại.

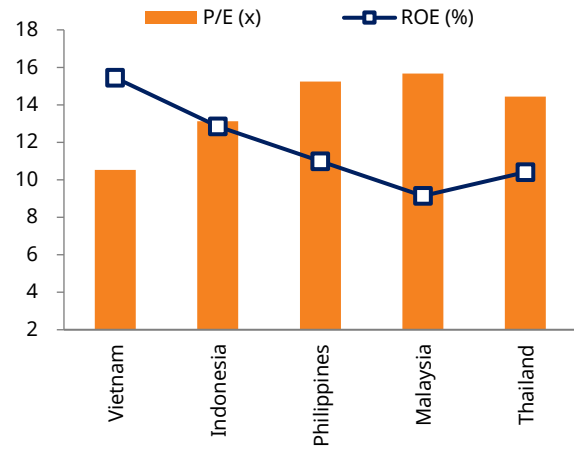
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



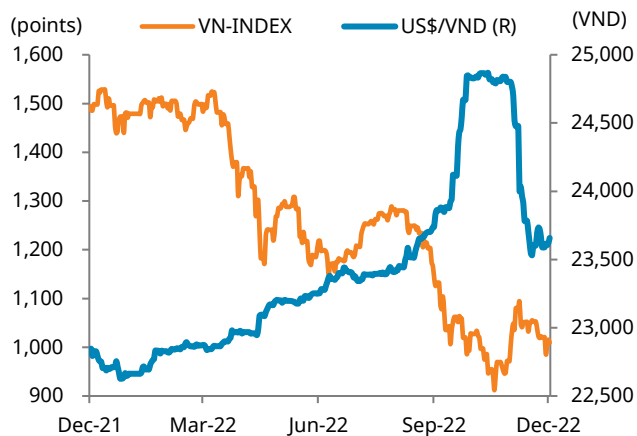
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



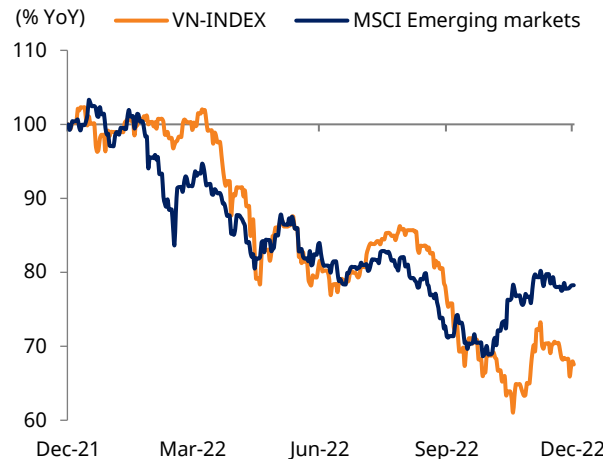
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



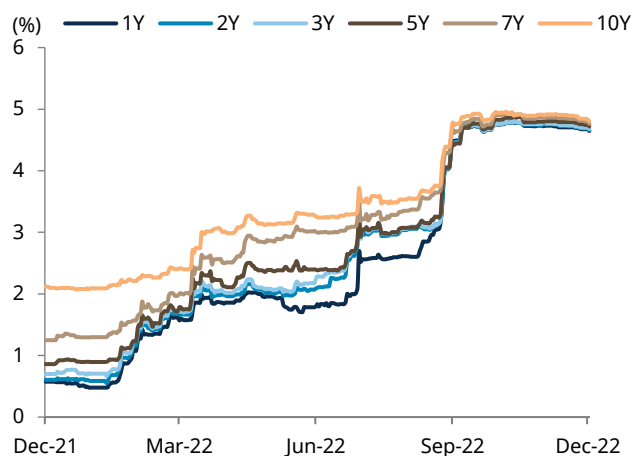
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



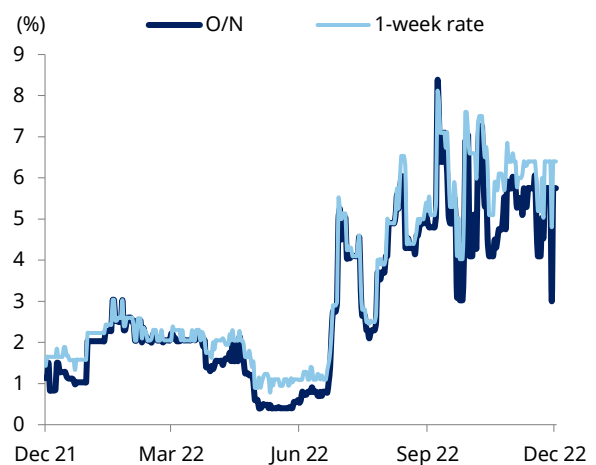
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	VN-Index	1,009.29	4,055,159		-0.6	-1.3	-2.2	-32.1	17.4	10.7	2.6	1.7	34.6	9.8	15.5	17.2
VN30 Index	VN30	1,008.30	2,875,227		-0.6	-2.9	-2.0	-33.5	14.4	8.6	2.7	1.5	38.3	9.5	19.6	18.7
Asia Commercial Bank	ACB VN	22,000	74,304	30.0	0.0	-3.9	-0.7	-18.6	9.9	5.4	2.1	1.3	24.6	46.3	23.5	19.6
BIDV	BID VN	40,000	202,341	17.2	-4.5	2.6	-2.4	13.6	21.5	12.8	2.3	2.0	50.3	81.1	11.0	N/A
Bao Viet Holdings	BVH VN	46,500	34,518	26.8	-0.4	-3.5	-1.5	-15.8	21.9	20.7	2.0	1.5	21.8	-12.3	9.2	7.8
VietinBank	CTG VN	27,000	129,755	27.8	-0.6	-2.2	-1.5	-20.9	11.6	7.6	1.8	1.2	18.2	20.6	15.8	N/A
FPT Corp	FPT VN	76,200	83,593	49.0	-0.7	-1.3	2.6	-2.3	21.4	15.4	4.7	3.8	21.5	36.3	23.4	N/A
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	102,600	196,371	2.9	-0.4	1.4	-8.4	5.8	22.1	13.4	3.6	3.3	8.1	75.8	16.8	25.3
Vietnam Rubber Group	GVR VN	13,800	55,200	0.6	-2.8	-4.8	-2.5	-62.6	35.5	14.0	3.1	#N/A	10.3	-5.4	8.7	8.1
HDBank	HDB VN	15,900	39,993	18.1	-1.9	-5.6	2.9	-35.0	10.2	4.9	2.1	1.1	42.5	32.7	23.3	23.2
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	18,000	104,666	21.3	-1.1	-4.8	3.4	-48.9	6.5	11.0	2.3	1.1	151.5	-70.4	42.8	N/A
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	27,950	20,035	37.3	3.3	4.1	9.0	-42.0	28.5	16.6	3.2	1.7	3.1	3.2	12.2	11.1
MBBank	MBB VN	17,400	78,891	23.2	-0.3	-3.3	1.2	-26.2	8.6	4.5	1.8	1.0	53.0	37.4	23.6	N/A
Masan Group Corp	MSN VN	94,000	133,830	30.4	1.1	-0.4	-5.1	-34.4	23.5	33.1	6.2	3.5	589.7	-53.1	35.1	N/A
Mobile World Investment Corp	MWG VN	42,900	62,779	49.0	-0.2	-7.7	0.2	-36.2	19.7	13.7	4.8	2.5	18.2	-9.2	27.3	N/A
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	14,650	28,569	5.9	2.1	-5.5	-33.0	-83.2	50.0	4.8	5.0	0.5	-18.7	68.6	10.6	10.8
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	13,400	9,000	4.6	-0.4	4.7	4.7	-80.4	26.0	#N/A	6.7	#N/A	53.5	N/A	29.3	N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	31,350	39,833	18.0	-0.5	2.3	5.9	-41.9	30.1	65.8	2.7	1.6	160.6	-73.4	9.7	N/A
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	18,900	39,835	20.5	-0.5	-5.3	-0.3	-42.1	11.6	5.0	3.0	1.2	39.0	26.1	29.9	28.8
PetroVietnam Power Corp	POW VN	10,500	24,590	4.8	-1.4	-1.9	-7.1	-41.7	23.1	16.8	1.4	0.8	-24.2	-17.4	6.2	5.4
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	172,900	110,878	62.6	-2.0	-1.4	-1.8	16.6	27.4	21.1	4.6	4.6	-22.9	48.8	17.1	N/A
SSI Securities Corp	SSI VN	17,600	26,209	41.2	-3.0	-7.9	-7.1	-62.3	20.0	12.9	3.6	#N/A	100.3	-44.0	21.0	9.8
Sacombank	STB VN	22,350	42,135	26.8	-2.4	-4.5	13.2	-24.2	19.3	#N/A	1.7	1.1	30.6	N/A	9.5	N/A
Techcombank	TCB VN	25,950	91,272	22.5	-0.8	-6.3	3.0	-47.1	9.7	4.3	1.9	0.8	46.1	17.1	21.7	N/A
Tien Phong Bank	TPB VN	21,400	33,850	30.0	0.0	-4.3	-0.5	-48.2	12.7	6.4	2.5	1.1	28.5	4.1	22.6	20.7
Vietcombank	VCB VN	80,700	381,914	23.6	0.9	1.8	1.1	1.5	18.8	14.5	3.4	2.8	19.7	33.1	19.6	N/A
Vinhomes JSC	VHM VN	47,800	208,139	24.2	0.2	-2.4	-10.0	-41.5	9.1	6.8	2.9	1.4	40.9	-22.3	36.9	27.9
Vingroup JSC	VIC VN	53,600	204,427	12.8	0.2	-2.5	-22.8	-43.9	63.2	24.7	3.5	1.9	-145.6	416.4	-2.8	N/A
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	109,200	59,144	16.9	-1.2	-1.9	6.2	-12.8	923.0	#N/A	4.1	#N/A	6.1	N/A	0.5	N/A
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	77,000	160,927	55.7	0.0	0.0	-7.2	-9.6	19.1	19.0	5.5	4.8	-5.3	-10.0	29.3	N/A
VPBank	VPB VN	17,800	119,495	17.7	-1.9	-3.5	10.2	-23.2	13.5	6.0	2.0	1.2	11.6	67.3	17.9	N/A
Vincom Retail JSC	VRE VN	26,500	60,216	32.8	-1.5	1.9	-13.1	-13.3	52.1	24.0	2.2	1.9	-44.8	90.7	4.4	8.6

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.